

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách học sinh được miễn học phí học kỳ II
năm học 2025 – 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS&THPT QUẢNG LA

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ công văn số 3616/SGDĐT-KHTC ngày 04/12/2025 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 và một số nội dung của Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025;

Căn cứ danh sách học sinh đang học tại trường THCS&THPT Quảng La học kỳ II năm học 2025 - 2026;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh trường THCS&THPT Quảng La được miễn học phí học kỳ II năm học 2025 – 2026 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Mức miễn học phí, tổng số học sinh được miễn học phí và nguồn kinh phí thực hiện miễn học phí

1. Mức miễn học phí học kỳ II năm học 2025 – 2026 cho học sinh được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

- Mức miễn học phí đối với học sinh THCS trên địa bàn xã: 115.000 đồng/tháng/học sinh;

- Mức miễn học phí đối với học sinh THPT trên địa bàn xã: 170.000 đồng/tháng/học sinh.

2. Tổng số học sinh được miễn học phí học kỳ II năm học 2025 - 2026: 635 học sinh, trong đó: Học sinh THCS: 245; học sinh THPT: 390.

3. Kinh phí cấp bù tiền miễn học phí học kỳ II năm học 2025 – 2026 cho học sinh được trích từ nguồn ngân sách tỉnh cấp cho Trường THCS&THPT Quảng La, trong đó:

- Số tiền miễn học phí đối với học sinh THCS: 140.875.000 đồng (245 học sinh x 5 tháng x 115.000 đồng/tháng);

- Số tiền miễn học phí đối với học sinh THPT: 331.500.000 đồng (390 học sinh x 5 tháng x 170.000 đồng/tháng).

Tổng số tiền thực hiện miễn học phí học kỳ II năm học 2025 – 2026 cho học sinh: 472.375.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Điều 3. Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, Tổ trưởng tổ Văn phòng, các tổ chức, cán bộ, giáo viên, nhân viên có liên quan, cha mẹ học sinh và học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu VT, KT.

Bản điện tử:

- Cổng thông tin điện tử;

- Website: <https://thcs-thptquangla.edu.vn>.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Kim Thu

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
TRƯỜNG THCS&THPT QUẢNG LA

DANH SÁCH HỌC SINH

Hưởng chế độ miễn học phí Học kỳ II năm học 2025 - 2026 theo quy định
tại Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
I	HỌC SINH THCS				140.875.000	
1	PHẠM LÝ NGỌC ANH	6A	5	115.000	575.000	
2	ĐẶNG THỊ BÌNH	6A	5	115.000	575.000	
3	ĐẶNG LINH CHI	6A	5	115.000	575.000	
4	ĐOÀN VĂN CÔNG	6A	5	115.000	575.000	
5	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	6A	5	115.000	575.000	
6	PHẠM ĐỨC DƯƠNG	6A	5	115.000	575.000	
7	GIÁP MẠNH ĐẠT	6A	5	115.000	575.000	
8	LÊ HẢI ĐĂNG	6A	5	115.000	575.000	
9	ĐẶNG HẢI ĐĂNG	6A	5	115.000	575.000	
10	BÙI HỒNG HẠNH	6A	5	115.000	575.000	
11	ĐẶNG THỊ HIỀN	6A	5	115.000	575.000	
12	VŨ ĐỨC HUY	6A	5	115.000	575.000	
13	ĐẶNG ANH KHOA	6A	5	115.000	575.000	
14	BÀN THỊ NGỌC KHUÊ	6A	5	115.000	575.000	
15	LÝ TRUNG KIÊN	6A	5	115.000	575.000	
16	TRẦN THỊ NGỌC LAN	6A	5	115.000	575.000	
17	LƯƠNG BẢO LÂM	6A	5	115.000	575.000	
18	NGUYỄN HOÀI LÂM	6A	5	115.000	575.000	
19	TRƯƠNG HẢI LÂM	6A	5	115.000	575.000	
20	HÀ BẢO LONG	6A	5	115.000	575.000	
21	HOÀNG BẢO LONG	6A	5	115.000	575.000	
22	NGUYỄN ĐỨC LỘC	6A	5	115.000	575.000	
23	NGUYỄN QUANG MINH	6A	5	115.000	575.000	
24	TRƯƠNG THỊ KHÁNH NGỌC	6A	5	115.000	575.000	
25	LINH TÀI NGUYÊN	6A	5	115.000	575.000	
26	TRẦN THẢO NGUYÊN	6A	5	115.000	575.000	
27	HOÀNG THỊ THU NGUYỆT	6A	5	115.000	575.000	
28	TRƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT	6A	5	115.000	575.000	
29	LINH THỊ QUỲNH NHƯ	6A	5	115.000	575.000	
30	TRƯƠNG TẤN PHÁT	6A	5	115.000	575.000	
31	BÀN VĂN KHÁNH PHI	6A	5	115.000	575.000	
32	DƯƠNG THƯ PHỦ	6A	5	115.000	575.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
33	LIÊU THIÊN PHÚC	6A	5	115.000	575.000	
34	TRẦN GIA PHÚC	6A	5	115.000	575.000	
35	TRIỆU HỮU QUANG	6A	5	115.000	575.000	
36	TRƯỜNG TRIỆU QUÂN	6A	5	115.000	575.000	
37	ĐẶNG LINH SAN	6A	5	115.000	575.000	
38	NGUYỄN TRÍ THÀNH	6A	5	115.000	575.000	
39	TRIỆU HỮU THIÊN	6A	5	115.000	575.000	
40	PHẠM HOÀNG THỊNH	6A	5	115.000	575.000	
41	NGUYỄN THANH TRÚC	6A	5	115.000	575.000	
42	TRƯƠNG TUẤN TỬ	6A	5	115.000	575.000	
43	LƯƠNG VĂN TUÂN	6A	5	115.000	575.000	
44	TRƯỜNG NGỌC TUẤN	6A	5	115.000	575.000	
45	TRẦN ĐẶNG QUỐC VIỆT	6A	5	115.000	575.000	
46	NGUYỄN HOÀI AN	7A	5	115.000	575.000	
47	VŨ THỊ VÂN ANH	7A	5	115.000	575.000	
48	BÙI MẠNH CƯỜNG	7A	5	115.000	575.000	
49	NGÔ DƯƠNG DƯƠNG	7A	5	115.000	575.000	
50	TẠ THÀNH ĐẠT	7A	5	115.000	575.000	
51	TRẦN MINH ĐẠT	7A	5	115.000	575.000	
52	NGÔ TRÍ ĐỨC	7A	5	115.000	575.000	
53	LÝ THÚY SƠN HÀ	7A	5	115.000	575.000	
54	NGUYỄN THU HÀ	7A	5	115.000	575.000	
55	TRƯỜNG MINH HẰNG	7A	5	115.000	575.000	
56	KHÚC TRẦN NGỌC HÂN	7A	5	115.000	575.000	
57	ĐẶNG VĂN HIỀN	7A	5	115.000	575.000	
58	TRẦN NGỌC HUY	7A	5	115.000	575.000	
59	BÀN THIÊN HƯƠNG	7A	5	115.000	575.000	
60	HOÀNG MINH HỮU	7A	5	115.000	575.000	
61	LÝ THỊ KHAI	7A	5	115.000	575.000	
62	VŨ ĐẶNG KHOA	7A	5	115.000	575.000	
63	NGỌC PHƯƠNG LINH	7A	5	115.000	575.000	
64	LÝ ĐỨC MIN	7A	5	115.000	575.000	
65	TRƯƠNG QUANG MINH	7A	5	115.000	575.000	
66	VŨ HOÀNG MINH	7A	5	115.000	575.000	
67	NGUYỄN THẢO MY	7A	5	115.000	575.000	
68	TRẦN ĐỨC NAM	7A	5	115.000	575.000	
69	TRẦN HOÀNG NAM	7A	5	115.000	575.000	
70	LÝ VĂN NĂNG	7A	5	115.000	575.000	
71	LÝ ÁNH KIM NGỌC	7A	5	115.000	575.000	
72	NGÔ BẢO NHI	7A	5	115.000	575.000	
73	TRẦN YẾN NHI	7A	5	115.000	575.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
74	TRƯƠNG LINH NHI	7A	5	115.000	575.000	
75	LÝ VĂN PHÁT	7A	5	115.000	575.000	
76	ĐỖ MINH PHÚC	7A	5	115.000	575.000	
77	ĐẶNG MINH PHƯỚC	7A	5	115.000	575.000	
78	NGÔ THỊ LAN PHƯƠNG	7A	5	115.000	575.000	
79	TRƯƠNG THỊ MAI PHƯƠNG	7A	5	115.000	575.000	
80	NGUYỄN NHẬT QUÂN	7A	5	115.000	575.000	
81	TRẦN THỊ PHƯƠNG THANH	7A	5	115.000	575.000	
82	NGUYỄN NGỌC THANH THẢO	7A	5	115.000	575.000	
83	BÀN VĂN THIÊN	7A	5	115.000	575.000	
84	BÀN QUỐC THỊNH	7A	5	115.000	575.000	
85	HÀ LÊ MỸ TRÀ	7A	5	115.000	575.000	
86	PHẠM ĐỨC TRUNG	7A	5	115.000	575.000	
87	LIÊU QUẢNG TRƯỜNG	7A	5	115.000	575.000	
88	VŨ SONG VŨ	7A	5	115.000	575.000	
89	TRẦN NGUYỄN THẢO VY	7A	5	115.000	575.000	
90	NGUYỄN NGỌC BẢO AN	8A1	5	115.000	575.000	
91	BÙI ĐÌNH HẢI ANH	8A1	5	115.000	575.000	
92	NGỌC VÂN ANH	8A1	5	115.000	575.000	
93	TRƯƠNG VIỆT ANH	8A1	5	115.000	575.000	
94	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	8A1	5	115.000	575.000	
95	ĐỖ HOÀNG CÚC	8A1	5	115.000	575.000	
96	LIÊU NGỌC DIỆP	8A1	5	115.000	575.000	
97	BÙI TUẤN ĐẠT	8A1	5	115.000	575.000	
98	NGUYỄN MINH ĐỨC	8A1	5	115.000	575.000	
99	NGUYỄN LƯƠNG GIANG	8A1	5	115.000	575.000	
100	ĐẶNG PHÚC HẢI	8A1	5	115.000	575.000	
101	NGÔ MINH HIỀN	8A1	5	115.000	575.000	
102	ĐÌNH TRỌNG HIẾU	8A1	5	115.000	575.000	
103	NGUYỄN THU HOÀI	8A1	5	115.000	575.000	
104	GÌ VĂN HUẤN	8A1	5	115.000	575.000	
105	NGUYỄN THANH HUYỀN	8A1	5	115.000	575.000	
106	TRƯƠNG KHÁNH HÙNG	8A1	5	115.000	575.000	
107	BÀN VĂN KHÁNH	8A1	5	115.000	575.000	
108	LIÊU MINH KHUÊ	8A1	5	115.000	575.000	
109	BÙI NGỌC LINH	8A1	5	115.000	575.000	
110	ĐẶNG HOÀNG LONG	8A1	5	115.000	575.000	
111	LÂM BẢO LONG	8A1	5	115.000	575.000	
112	TRƯƠNG THÀNH LONG	8A1	5	115.000	575.000	
113	NGUYỄN THỊ THẢO LY	8A1	5	115.000	575.000	
114	ĐÀO BẢO NAM	8A1	5	115.000	575.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
115	LƯƠNG VĂN NAM	8A1	5	115.000	575.000	
116	TRẦN BÍCH NGÂN	8A1	5	115.000	575.000	
117	ĐINH TRỌNG NGHĨA	8A1	5	115.000	575.000	
118	LÝ MINH NHẬT	8A1	5	115.000	575.000	
119	TẠ THỊ YẾN NHI	8A1	5	115.000	575.000	
120	HOÀNG THANH PHÚ	8A1	5	115.000	575.000	
121	HOÀNG NGỌC SƠN	8A1	5	115.000	575.000	
122	ĐẶNG MINH THÀNH	8A1	5	115.000	575.000	
123	GIÁP PHƯƠNG THẢO	8A1	5	115.000	575.000	
124	NGÔ PHƯƠNG THẢO	8A1	5	115.000	575.000	
125	PHẠM QUỲNH TRÂM	8A1	5	115.000	575.000	
126	NGUYỄN VŨ BẢO TRÂN	8A1	5	115.000	575.000	
127	NGỌC ĐỨC TRUNG	8A1	5	115.000	575.000	
128	TRƯƠNG VĨNH TUỜNG	8A1	5	115.000	575.000	
129	NGUYỄN BẢO UYÊN	8A1	5	115.000	575.000	
130	GIÁP ĐÌNH VĂN	8A1	5	115.000	575.000	
131	PHẠM PHƯƠNG VY	8A1	5	115.000	575.000	
132	TRƯƠNG THỊ KHÁNH VY	8A1	5	115.000	575.000	
133	ĐẶNG HẢI ĐĂNG	8A1	5	115.000	575.000	
134	LÝ TIẾN THÀNH	8A1	5	115.000	575.000	
135	LÝ BÌNH AN	8A2	5	115.000	575.000	
136	TRẦN QUỐC AN	8A2	5	115.000	575.000	
137	NGUYỄN DUY ANH	8A2	5	115.000	575.000	
138	VŨ HOÀNG HẢI BĂNG	8A2	5	115.000	575.000	
139	TRƯƠNG NGỌC CHÂU	8A2	5	115.000	575.000	
140	TRIỆU THỊ KIỀU CHINH	8A2	5	115.000	575.000	
141	ĐẶNG MINH CƯƠNG	8A2	5	115.000	575.000	
142	TRẦN QUỐC CƯỜNG	8A2	5	115.000	575.000	
143	VŨ NGỌC DIỄM	8A2	5	115.000	575.000	
144	TRẦN ĐỨC DUY	8A2	5	115.000	575.000	
145	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	8A2	5	115.000	575.000	
146	ĐẶNG VĂN ĐẠT	8A2	5	115.000	575.000	
147	LÝ MINH ĐỨC	8A2	5	115.000	575.000	
148	HOÀNG THU HÀ	8A2	5	115.000	575.000	
149	VŨ BÙI QUẢNG HÙNG	8A2	5	115.000	575.000	
150	TRƯƠNG VĂN KHÁNH	8A2	5	115.000	575.000	
151	NGỌC ĐĂNG KHOA	8A2	5	115.000	575.000	
152	ĐẶNG TRUNG KIÊN	8A2	5	115.000	575.000	
153	LƯƠNG TRUNG KIÊN	8A2	5	115.000	575.000	
154	CHU TUẤN KIẾT	8A2	5	115.000	575.000	
155	NGỌC MỸ LINH	8A2	5	115.000	575.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
156	ĐẶNG DUY LONG	8A2	5	115.000	575.000	
157	ĐẶNG PHI LONG	8A2	5	115.000	575.000	
158	NGỌC CHẤN LONG	8A2	5	115.000	575.000	
159	TRƯỜNG THỊ TRÀ MY	8A2	5	115.000	575.000	
160	BÙI MINH NGỌC	8A2	5	115.000	575.000	
161	NGUYỄN MINH NGỌC	8A2	5	115.000	575.000	
162	HOÀNG TRẦN LINH NHI	8A2	5	115.000	575.000	
163	GIÁP PHÚ QUÝ	8A2	5	115.000	575.000	
164	ĐINH THỊ HỒNG QUYÊN	8A2	5	115.000	575.000	
165	LÝ BỘI SANG	8A2	5	115.000	575.000	
166	ĐẶNG MINH TÂM	8A2	5	115.000	575.000	
167	HOÀNG TIẾN THÀNH	8A2	5	115.000	575.000	
168	TRƯƠNG THỊ THỦY	8A2	5	115.000	575.000	
169	TRƯƠNG HOÀI THƯƠNG	8A2	5	115.000	575.000	
170	ĐẶNG BẢO THY	8A2	5	115.000	575.000	
171	ĐẶNG THUY TRÂM	8A2	5	115.000	575.000	
172	NGÔ THANH TRÚC	8A2	5	115.000	575.000	
173	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	8A2	5	115.000	575.000	
174	NGÔ ANH TUẤN	8A2	5	115.000	575.000	
175	ĐẶNG THANH TUYỀN	8A2	5	115.000	575.000	
176	TRẦN NGỌC MINH VƯƠNG	8A2	5	115.000	575.000	
177	PHẠM HÀ VY	8A2	5	115.000	575.000	
178	TRƯƠNG THỊ HÀ VY	8A2	5	115.000	575.000	
179	NGUYỄN TIẾN CƯỜNG	9A1	5	115.000	575.000	
180	TRƯƠNG HỮU DUỆ	9A1	5	115.000	575.000	
181	NGUYỄN KHÁNH DUY	9A1	5	115.000	575.000	
182	ĐẶNG THỊ ÁNH DƯƠNG	9A1	5	115.000	575.000	
183	LÝ QUỐC DƯƠNG	9A1	5	115.000	575.000	
184	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	9A1	5	115.000	575.000	
185	ĐẶNG TRƯỜNG GIANG	9A1	5	115.000	575.000	
186	LÝ VĂN GIÁP	9A1	5	115.000	575.000	
187	KHÚC HUY HOÀNG	9A1	5	115.000	575.000	
188	LINH TÀI HUY	9A1	5	115.000	575.000	
189	TRƯƠNG ANH KIỆT	9A1	5	115.000	575.000	
190	LÝ LƯU LINH	9A1	5	115.000	575.000	
191	NGÔ PHƯƠNG LINH	9A1	5	115.000	575.000	
192	TRẦN PHƯƠNG LINH	9A1	5	115.000	575.000	
193	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	9A1	5	115.000	575.000	
194	NGUYỄN HẢI NAM	9A1	5	115.000	575.000	
195	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	9A1	5	115.000	575.000	
196	BÀN THỊ LINH NHI	9A1	5	115.000	575.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
197	LÝ TUYẾT NHI	9A1	5	115.000	575.000	
198	LÊ TUẤN PHONG	9A1	5	115.000	575.000	
199	LÊ HỮU PHƯỚC	9A1	5	115.000	575.000	
200	TRƯỜNG VINH QUANG	9A1	5	115.000	575.000	
201	TRIỆU HỮU TÀI	9A1	5	115.000	575.000	
202	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	9A1	5	115.000	575.000	
203	NGUYỄN MẠNH THẮNG	9A1	5	115.000	575.000	
204	ĐẶNG MINH THÔNG	9A1	5	115.000	575.000	
205	NGUYỄN THỊ ANH THU	9A1	5	115.000	575.000	
206	PHẠM XUÂN TÌNH	9A1	5	115.000	575.000	
207	TRƯỜNG QUỐC TRỊNH	9A1	5	115.000	575.000	
208	GIÁP ĐẠI TRƯỜNG	9A1	5	115.000	575.000	
209	NGUYỄN THANH TÙNG	9A1	5	115.000	575.000	
210	PHẠM TUẤN VIỆT	9A1	5	115.000	575.000	
211	NGỌC HÀ VY	9A1	5	115.000	575.000	
212	TRẦN THỊ LAN ANH	9A2	5	115.000	575.000	
213	ĐẶNG MINH CHÂU	9A2	5	115.000	575.000	
214	NGÔ THỊ ÁNH DƯƠNG	9A2	5	115.000	575.000	
215	BÀN HẢI ĐĂNG	9A2	5	115.000	575.000	
216	PHẠM HOÀNG HẢI ĐĂNG	9A2	5	115.000	575.000	
217	TRƯƠNG VĂN ĐỒNG	9A2	5	115.000	575.000	
218	TRƯƠNG THẾ HIỀN	9A2	5	115.000	575.000	
219	NGUYỄN TRUNG HIẾU	9A2	5	115.000	575.000	
220	NGUYỄN NGỌC HOA	9A2	5	115.000	575.000	
221	NGUYỄN THỊ THANH HOA	9A2	5	115.000	575.000	
222	LƯƠNG HUY HOÀNG	9A2	5	115.000	575.000	
223	PHẠM VIỆT HOÀNG	9A2	5	115.000	575.000	
224	TRẦN KHÁNH HUYỀN	9A2	5	115.000	575.000	
225	TRƯƠNG THÁI HÙNG	9A2	5	115.000	575.000	
226	NGUYỄN TRUNG KIÊN	9A2	5	115.000	575.000	
227	HOÀNG THỊ HOA LÊ	9A2	5	115.000	575.000	
228	PHẠM THÙY LINH	9A2	5	115.000	575.000	
229	TRẦN THẢO LINH	9A2	5	115.000	575.000	
230	ĐẶNG QUỐC MỪNG	9A2	5	115.000	575.000	
231	PHẠM THỊ THẢO NGUYÊN	9A2	5	115.000	575.000	
232	BÀN MINH NHẬT	9A2	5	115.000	575.000	
233	NGỌC THIÊN PHÚ	9A2	5	115.000	575.000	
234	BÙI MAI PHƯƠNG	9A2	5	115.000	575.000	
235	NGUYỄN THẾ QUYỀN	9A2	5	115.000	575.000	
236	TRẦN THANH SƠN	9A2	5	115.000	575.000	
237	ĐẶNG THÀNH TẤN	9A2	5	115.000	575.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
238	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	9A2	5	115.000	575.000	
239	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	9A2	5	115.000	575.000	
240	NGUYỄN TẮT THẮNG	9A2	5	115.000	575.000	
241	NGUYỄN MAI THÙY	9A2	5	115.000	575.000	
242	BÙI TRAI TRẮNG	9A2	5	115.000	575.000	
243	TRIỆU KIM DUY TÙNG	9A2	5	115.000	575.000	
244	VŨ KHÁNH VY	9A2	5	115.000	575.000	
245	NGÔ THỊ NHƯ Ý	9A2	5	115.000	575.000	
II	HỌC SINH THPT				331.500.000	
1	NGUYỄN QUỲNH ANH	10A1	5	170.000	850.000	
2	CHU THỊ NGỌC ÁNH	10A1	5	170.000	850.000	
3	LINH THÁI BẢO	10A1	5	170.000	850.000	
4	TRỊNH KHÁNH THI	10A1	5	170.000	850.000	
5	LƯƠNG HÀ CHI	10A1	5	170.000	850.000	
6	ĐỖ MINH CHIẾN	10A1	5	170.000	850.000	
7	LIÊU NHẬT CƯỜNG	10A1	5	170.000	850.000	
8	NGUYỄN QUỐC DŨNG	10A1	5	170.000	850.000	
9	NGUYỄN ĐỨC DUY	10A1	5	170.000	850.000	
10	ĐẶNG THÁI DƯƠNG	10A1	5	170.000	850.000	
11	TRẦN TRIỆU ÁNH DƯƠNG	10A1	5	170.000	850.000	
12	TRẦN YẾN GIANG	10A1	5	170.000	850.000	
13	TRƯƠNG THỊ HÀ GIANG	10A1	5	170.000	850.000	
14	HOÀNG TRUNG HẢI	10A1	5	170.000	850.000	
15	TRIỆU NGỌC HÂN	10A1	5	170.000	850.000	
16	TRƯƠNG NGỌC HÂN	10A1	5	170.000	850.000	
17	LÝ THẾ HIỆU	10A1	5	170.000	850.000	
18	PHẠM NGỌC HUYỀN	10A1	5	170.000	850.000	
19	NGUYỄN TUẤN HÙNG	10A1	5	170.000	850.000	
20	DƯƠNG HÀ LINH	10A1	5	170.000	850.000	
21	ĐẶNG THỊ THÙY LINH	10A1	5	170.000	850.000	
22	TRƯƠNG KHÁNH LINH	10A1	5	170.000	850.000	
23	VŨ HOÀNG LINH	10A1	5	170.000	850.000	
24	TRẦN THỊ KIỀU LY	10A1	5	170.000	850.000	
25	LƯƠNG THỊ NGỌC MAI	10A1	5	170.000	850.000	
26	CÁI HOÀNG MẠNH	10A1	5	170.000	850.000	
27	NGUYỄN HÀ MY	10A1	5	170.000	850.000	
28	TRỊNH KIỀU MY	10A1	5	170.000	850.000	
29	ĐINH VĂN NAM	10A1	5	170.000	850.000	
30	CHU THỊ BÍCH NGỌC	10A1	5	170.000	850.000	
31	NGUYỄN HỒNG NGỌC	10A1	5	170.000	850.000	
32	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	10A1	5	170.000	850.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
33	ĐẶNG THỊ YẾN NHI	10A1	5	170.000	850.000	
34	TRIỆU THỊ YẾN NHI	10A1	5	170.000	850.000	
35	LÝ GIA NHƯ	10A1	5	170.000	850.000	
36	LÊ LÂM PHONG	10A1	5	170.000	850.000	
37	VŨ TUẤN PHÚC	10A1	5	170.000	850.000	
38	ĐÀM QUANG THANH	10A1	5	170.000	850.000	
39	LÝ THỊ THAO	10A1	5	170.000	850.000	
40	HOÀNG THANH THẢO	10A1	5	170.000	850.000	
41	ĐẶNG THANH TRÚC	10A1	5	170.000	850.000	
42	LƯƠNG ĐOÀN ÁNH TUYẾT	10A1	5	170.000	850.000	
43	TRƯỜNG NGỌC VÂN	10A1	5	170.000	850.000	
44	HOÀNG QUỐC VIỆT	10A1	5	170.000	850.000	
45	BÙI HIỆU VŨ	10A1	5	170.000	850.000	
46	LÝ THỂ ANH	10A2	5	170.000	850.000	
47	NGUYỄN THỂ ANH	10A2	5	170.000	850.000	
48	TRƯỜNG QUỐC ANH	10A2	5	170.000	850.000	
49	LÝ QUỐC BẢO	10A2	5	170.000	850.000	
50	PHẠM XUÂN CẢNH	10A2	5	170.000	850.000	
51	TRƯỜNG ĐẠI CÁT	10A2	5	170.000	850.000	
52	TRIỆU THÙY CHÂM	10A2	5	170.000	850.000	
53	LƯƠNG PHƯƠNG CHI	10A2	5	170.000	850.000	
54	LÝ THANH CHÚC	10A2	5	170.000	850.000	
55	TRIỆU THANH CHÚC	10A2	5	170.000	850.000	
56	NGUYỄN THỂ CƯỜNG	10A2	5	170.000	850.000	
57	PHẠM ĐỨC DŨNG	10A2	5	170.000	850.000	
58	CHU LINH ĐAN	10A2	5	170.000	850.000	
59	LÝ VĂN ĐAN	10A2	5	170.000	850.000	
60	TRIỆU ĐỨC ĐƯỜNG	10A2	5	170.000	850.000	
61	TRIỆU THANH HÀ	10A2	5	170.000	850.000	
62	HOÀNG GIA HÂN	10A2	5	170.000	850.000	
63	TỪ MINH HIỆU	10A2	5	170.000	850.000	
64	TRIỆU THỊ KHƯƠNG	10A2	5	170.000	850.000	
65	ĐẶNG THỊ MY LAN	10A2	5	170.000	850.000	
66	BÀN THỊ HÀ LINH	10A2	5	170.000	850.000	
67	LÝ THỂ LONG	10A2	5	170.000	850.000	
68	NGUYỄN HOÀNG BẢO LONG	10A2	5	170.000	850.000	
69	VI VĂN LỢI	10A2	5	170.000	850.000	
70	ĐINH HẢI NAM	10A2	5	170.000	850.000	
71	PHAN THỂ NAM	10A2	5	170.000	850.000	
72	BÙI BÍCH NGỌC	10A2	5	170.000	850.000	
73	DƯƠNG HOÀNG NGUYỄN	10A2	5	170.000	850.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
74	TRIỆU TÀI LONG NHẬT	10A2	5	170.000	850.000	
75	NGUYỄN TRIỆU YÊN NHI	10A2	5	170.000	850.000	
76	TẠ YÊN NHI	10A2	5	170.000	850.000	
77	TRIỆU QUÝ PHI	10A2	5	170.000	850.000	
78	VI THỰC QUYÊN	10A2	5	170.000	850.000	
79	LÃ VĂN SANG	10A2	5	170.000	850.000	
80	ĐẶNG VĂN TÂM	10A2	5	170.000	850.000	
81	TRIỆU KIM THÀNH	10A2	5	170.000	850.000	
82	DƯƠNG THỊ THẢO	10A2	5	170.000	850.000	
83	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	10A2	5	170.000	850.000	
84	DƯƠNG ĐỨC THỊNH	10A2	5	170.000	850.000	
85	TRƯỜNG THỦY TIÊN	10A2	5	170.000	850.000	
86	ĐẶNG HẢI TIẾN	10A2	5	170.000	850.000	
87	HOÀNG ĐÌNH TRUNG	10A2	5	170.000	850.000	
88	TRƯỜNG THỊ KIỆU VI	10A2	5	170.000	850.000	
89	HOÀNG HẢI XUÂN	10A2	5	170.000	850.000	
90	ĐẶNG HẢI YÊN	10A2	5	170.000	850.000	
91	TRƯỜNG HOÀI ANH	10A3	5	170.000	850.000	
92	HOÀNG LÝ HUYỀN CHÂM	10A3	5	170.000	850.000	
93	NGỌC ÁNH CHI	10A3	5	170.000	850.000	
94	VŨ YÊN CHI	10A3	5	170.000	850.000	
95	ĐẶNG THÀNH CÔNG	10A3	5	170.000	850.000	
96	DƯƠNG PHÚC CƯỜNG	10A3	5	170.000	850.000	
97	LỘC THỊ HỒNG DIỆN	10A3	5	170.000	850.000	
98	TRIỆU THẢO DUYÊN	10A3	5	170.000	850.000	
99	TRIỆU BÍCH DƯƠNG	10A3	5	170.000	850.000	
100	LÝ BẢO ĐAN	10A3	5	170.000	850.000	
101	TRỊNH TIẾN ĐOÀN	10A3	5	170.000	850.000	
102	BÀN TRUNG ĐÔNG	10A3	5	170.000	850.000	
103	TRẦN MINH ĐỨC	10A3	5	170.000	850.000	
104	TRƯỜNG VĂN HẢI	10A3	5	170.000	850.000	
105	LÝ THỊ HẰNG	10A3	5	170.000	850.000	
106	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	10A3	5	170.000	850.000	
107	BÀN VĂN HOÀNG	10A3	5	170.000	850.000	
108	BÀN THỊ HUẾ	10A3	5	170.000	850.000	
109	TRẦN MẠNH HÙNG	10A3	5	170.000	850.000	
110	VŨ DUY KHOA	10A3	5	170.000	850.000	
111	LÝ HẢI LAM	10A3	5	170.000	850.000	
112	TRIỆU QUÝ LÂM	10A3	5	170.000	850.000	
113	ĐỖ HỒNG MINH	10A3	5	170.000	850.000	
114	BÙI NGUYỆT NGÀ	10A3	5	170.000	850.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
115	ĐOÀN THANH NGOAN	10A3	5	170.000	850.000	
116	LÝ THỊ NGỌC	10A3	5	170.000	850.000	
117	LƯƠNG THỊ ÁNH NGỌC	10A3	5	170.000	850.000	
118	BÀN THỊ NGUYỆT	10A3	5	170.000	850.000	
119	TRIỆU QUÝ NHÂN	10A3	5	170.000	850.000	
120	TRƯƠNG ĐẠI PHÚ	10A3	5	170.000	850.000	
121	CHU THANH TÂM	10A3	5	170.000	850.000	
122	DƯƠNG ANH THU	10A3	5	170.000	850.000	
123	BÀNG THỊ NGỌC THƯƠNG	10A3	5	170.000	850.000	
124	BÀN THỦY TIÊN	10A3	5	170.000	850.000	
125	NÔNG VĂN TIẾP	10A3	5	170.000	850.000	
126	PHƯƠNG HUYỀN TRANG	10A3	5	170.000	850.000	
127	TRƯƠNG KIỀU TRINH	10A3	5	170.000	850.000	
128	MÈ THỊ HUYỀN TRINH	10A3	5	170.000	850.000	
129	TRỊNH XUÂN TRƯỜNG	10A3	5	170.000	850.000	
130	TRỊNH TUẤN TÚ	10A3	5	170.000	850.000	
131	LÝ ANH TUẤN	10A3	5	170.000	850.000	
132	ĐẶNG THỊ MINH TUYẾT	10A3	5	170.000	850.000	
133	LINH ĐỨC TƯỜNG	10A3	5	170.000	850.000	
134	TRƯƠNG LONG VŨ	10A3	5	170.000	850.000	
135	TRIỆU THÙY VY	10A3	5	170.000	850.000	
136	HOÀNG MAI ANH	11A1	5	170.000	850.000	
137	NGUYỄN HẢI ANH	11A1	5	170.000	850.000	
138	LÊ NGỌC ÁNH	11A1	5	170.000	850.000	
139	CHU DIỆU CHÂU	11A1	5	170.000	850.000	
140	NGUYỄN DIỆU LINH CHI	11A1	5	170.000	850.000	
141	ĐỖ TRIỆU NGỌC DIỄM	11A1	5	170.000	850.000	
142	TRIỆU THỊ DUNG	11A1	5	170.000	850.000	
143	PHẠM VĂN DUY	11A1	5	170.000	850.000	
144	NGUYỄN THỊ HẢI DƯƠNG	11A1	5	170.000	850.000	
145	BÙI THÀNH ĐẠT	11A1	5	170.000	850.000	
146	TRIỆU THỊ HÀ	11A1	5	170.000	850.000	
147	PHẠM VÕ HIỆP	11A1	5	170.000	850.000	
148	LÝ SINH HÙNG	11A1	5	170.000	850.000	
149	BÀN VĂN HUY	11A1	5	170.000	850.000	
150	VŨ DUY HÙNG	11A1	5	170.000	850.000	
151	BÀN THỊ HOÀI LINH	11A1	5	170.000	850.000	
152	GIÁP NGUYỄN PHƯƠNG LINH	11A1	5	170.000	850.000	
153	TRẦN PHƯƠNG LINH	11A1	5	170.000	850.000	
154	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	11A1	5	170.000	850.000	
155	TRƯƠNG CÔNG MINH	11A1	5	170.000	850.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
156	NGUYỄN THỊ THẢO MY	11A1	5	170.000	850.000	
157	TRẦN THỊ TRÀ MY	11A1	5	170.000	850.000	
158	TRƯƠNG THẢO MY	11A1	5	170.000	850.000	
159	ĐẶNG HOA NGÂN	11A1	5	170.000	850.000	
160	LÝ THỊ HỒNG NGỌC	11A1	5	170.000	850.000	
161	VI THỐNG NHẤT	11A1	5	170.000	850.000	
162	NGỌC LINH NHI	11A1	5	170.000	850.000	
163	TRƯỜNG THỊ NHI	11A1	5	170.000	850.000	
164	LÝ HOÀI NHƯ	11A1	5	170.000	850.000	
165	HOÀNG THANH PHONG	11A1	5	170.000	850.000	
166	TRIỆU QUÝ PHÚ	11A1	5	170.000	850.000	
167	LÝ NGUYỄN THÁI SƠN	11A1	5	170.000	850.000	
168	NGÔ NGỌC THẢO	11A1	5	170.000	850.000	
169	BÙI GIA TRANG	11A1	5	170.000	850.000	
170	BÀN THỊ QUỲNH TRÂM	11A1	5	170.000	850.000	
171	ĐẶNG THÙY TRÂM	11A1	5	170.000	850.000	
172	CHU BẢO TRÂN	11A1	5	170.000	850.000	
173	NGUYỄN ANH TÚ	11A1	5	170.000	850.000	
174	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	11A1	5	170.000	850.000	
175	TRƯƠNG THÚY VI	11A1	5	170.000	850.000	
176	VŨ KHÁNH VI	11A1	5	170.000	850.000	
177	NGÔ QUANG VINH	11A1	5	170.000	850.000	
178	ĐẶNG THỊ VY YẾN	11A1	5	170.000	850.000	
179	TRIỆU KIM AN	11A2	5	170.000	850.000	
180	BÀN GIA BẢO	11A2	5	170.000	850.000	
181	TRƯƠNG GIA BẢO	11A2	5	170.000	850.000	
182	PHẠM ĐOÀN PHI BẰNG	11A2	5	170.000	850.000	
183	LÝ THỊ NGỌC DIỆP	11A2	5	170.000	850.000	
184	TỔNG KHÁNH DƯƠNG	11A2	5	170.000	850.000	
185	NGỌC XUÂN ĐĂNG	11A2	5	170.000	850.000	
186	VŨ HẢI ĐĂNG	11A2	5	170.000	850.000	
187	TRẦN TIẾN ĐỨC	11A2	5	170.000	850.000	
188	NGUYỄN DUY HÙNG	11A2	5	170.000	850.000	
189	TRẦN VĂN HÙNG	11A2	5	170.000	850.000	
190	TRƯƠNG THẾ KIÊN	11A2	5	170.000	850.000	
191	LÝ ANH KIẾT	11A2	5	170.000	850.000	
192	HOÀNG LÊ TÙNG LÂM	11A2	5	170.000	850.000	
193	TRƯƠNG THÀNH LỘC	11A2	5	170.000	850.000	
194	NGÔ TUẤN LỤC	11A2	5	170.000	850.000	
195	PHẠM HẢI NAM	11A2	5	170.000	850.000	
196	BÀN VĂN NGHĨA	11A2	5	170.000	850.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
197	ĐẶNG TIẾN NGHĨA	11A2	5	170.000	850.000	
198	TRƯƠNG THỊ QUỲNH NHƯ	11A2	5	170.000	850.000	
199	ĐẶNG THỊ MAI PHƯƠNG	11A2	5	170.000	850.000	
200	TRẦN DUY QUANG	11A2	5	170.000	850.000	
201	NGÔ TRUNG QUÂN	11A2	5	170.000	850.000	
202	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	11A2	5	170.000	850.000	
203	TRIỆU KIM QUÂN	11A2	5	170.000	850.000	
204	NGUYỄN THÀNH SƠN	11A2	5	170.000	850.000	
205	DƯƠNG ĐỨC TÂM	11A2	5	170.000	850.000	
206	TRƯƠNG VĂN THÁI	11A2	5	170.000	850.000	
207	ĐẶNG THỊ THẢO	11A2	5	170.000	850.000	
208	NGỌC PHƯƠNG THẢO	11A2	5	170.000	850.000	
209	TRIỆU THỊ THẨM	11A2	5	170.000	850.000	
210	BÀN HẢI THIÊN	11A2	5	170.000	850.000	
211	TRIỆU QUÝ THIÊN	11A2	5	170.000	850.000	
212	TRẦN KIM THƯ	11A2	5	170.000	850.000	
213	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	11A2	5	170.000	850.000	
214	CHU BẢO THY	11A2	5	170.000	850.000	
215	NGUYỄN MINH TIẾN	11A2	5	170.000	850.000	
216	TRIỆU QUÝ TÙNG	11A2	5	170.000	850.000	
217	ĐỊP ĐỨC VIỆT	11A2	5	170.000	850.000	
218	TRƯƠNG TRIỆU TUẤN VŨ	11A2	5	170.000	850.000	
219	TẠ THỊ HẢI YẾN	11A2	5	170.000	850.000	
220	TRIỆU QUÝ AN	11A3	5	170.000	850.000	
221	CHU THỊ NGỌC ANH	11A3	5	170.000	850.000	
222	TRƯƠNG KIM ANH	11A3	5	170.000	850.000	
223	ĐẶNG GIA BẢO	11A3	5	170.000	850.000	
224	PHẠM THÙY CHI	11A3	5	170.000	850.000	
225	TRƯƠNG CHÍ DŨNG	11A3	5	170.000	850.000	
226	TRIỆU THỊ DUYÊN	11A3	5	170.000	850.000	
227	LƯƠNG THẾ DƯƠNG	11A3	5	170.000	850.000	
228	HOÀNG VIỆT ĐỨC	11A3	5	170.000	850.000	
229	VŨ BUI HUY HIỆU	11A3	5	170.000	850.000	
230	ĐẶNG LƯU VIỆT HOA	11A3	5	170.000	850.000	
231	NGUYỄN THỊ THANH HOA	11A3	5	170.000	850.000	
232	BÀN THỊ HUYỀN	11A3	5	170.000	850.000	
233	DƯƠNG NAM KHÁNH	11A3	5	170.000	850.000	
234	BÀN NHẬT LAM	11A3	5	170.000	850.000	
235	ĐINH PHƯƠNG LINH	11A3	5	170.000	850.000	
236	GIÁP HẢI LÝ	11A3	5	170.000	850.000	
237	ÂN HỮU MINH	11A3	5	170.000	850.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
238	TRIỆU THỊ MY	11A3	5	170.000	850.000	
239	LÝ VĂN NGUYỄN	11A3	5	170.000	850.000	
240	PHẠM HỒNG NHUNG	11A3	5	170.000	850.000	
241	LINH THỊ MỸ NƯƠNG	11A3	5	170.000	850.000	
242	TRIỆU QUÝ PHÁT	11A3	5	170.000	850.000	
243	ĐẶNG QUANG PHONG	11A3	5	170.000	850.000	
244	ĐÀM THỊ QUYÊN	11A3	5	170.000	850.000	
245	NGUYỄN THỊ TÚ QUYÊN	11A3	5	170.000	850.000	
246	TRIỆU THỊ QUYÊN	11A3	5	170.000	850.000	
247	TRƯƠNG LINH SƠN	11A3	5	170.000	850.000	
248	TRẦN LÝ THU THẢO	11A3	5	170.000	850.000	
249	NGÔ BẢO THỊ	11A3	5	170.000	850.000	
250	NGUYỄN HOÀNG BẢO THU	11A3	5	170.000	850.000	
251	ĐẶNG MINH THƯ	11A3	5	170.000	850.000	
252	ĐẶNG VĂN TOẠI	11A3	5	170.000	850.000	
253	NGỌC XUÂN TRƯỜNG	11A3	5	170.000	850.000	
254	TRƯƠNG ANH TUẤN	11A3	5	170.000	850.000	
255	LƯU ÁNH TUYẾT	11A3	5	170.000	850.000	
256	CHU VI PHÚC UY	11A3	5	170.000	850.000	
257	TRƯƠNG BẢO UY	11A3	5	170.000	850.000	
258	ĐẶNG QUỐC VIỆT	11A3	5	170.000	850.000	
259	HOÀNG HÀ VY	11A3	5	170.000	850.000	
260	HÀ LÝ NHƯ Ý	11A3	5	170.000	850.000	
261	BÀNG DUY AN	12A1	5	170.000	850.000	
262	HÀ THỊ MINH ANH	12A1	5	170.000	850.000	
263	LƯƠNG QUỲNH ANH	12A1	5	170.000	850.000	
264	CHU HƯƠNG CẨM	12A1	5	170.000	850.000	
265	ĐẶNG NGỌC CHÂM	12A1	5	170.000	850.000	
266	ĐINH DIỆU CHÂU	12A1	5	170.000	850.000	
267	LINH NGỌC DIỆP	12A1	5	170.000	850.000	
268	NGUYỄN ĐẠT DU	12A1	5	170.000	850.000	
269	LÝ VĂN DŨNG	12A1	5	170.000	850.000	
270	ĐINH THỊ ĐÀO	12A1	5	170.000	850.000	
271	ĐỖ TIẾN ĐẠT	12A1	5	170.000	850.000	
272	LÊ NGỌC HẢI ĐĂNG	12A1	5	170.000	850.000	
273	ĐINH THẾ HẠNH	12A1	5	170.000	850.000	
274	TRƯƠNG MỸ HẠNH	12A1	5	170.000	850.000	
275	GIÁP MINH HẰNG	12A1	5	170.000	850.000	
276	VŨ MAI HÒA	12A1	5	170.000	850.000	
277	CHU THỊ THIÊN HƯƠNG	12A1	5	170.000	850.000	
278	HOÀNG TRUNG KIÊN	12A1	5	170.000	850.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
279	HOÀNG TRUNG KIÊN	12A1	5	170.000	850.000	
280	TRƯƠNG VỆ KIÊN	12A1	5	170.000	850.000	
281	LÊ THỊ DIỆU LINH	12A1	5	170.000	850.000	
282	NGUYỄN THÙY LINH	12A1	5	170.000	850.000	
283	PHẠM KHÁNH LINH	12A1	5	170.000	850.000	
284	HOÀNG GIA LONG	12A1	5	170.000	850.000	
285	LÝ THỊ LY	12A1	5	170.000	850.000	
286	ĐẶNG THỊ MAI	12A1	5	170.000	850.000	
287	LÝ THỊ MAI	12A1	5	170.000	850.000	
288	GIÁP MINH NGUYỆT	12A1	5	170.000	850.000	
289	LÂM THẢO NHI	12A1	5	170.000	850.000	
290	ĐẶNG THỊ GIA NHƯ	12A1	5	170.000	850.000	
291	NGUYỄN HỒNG PHONG	12A1	5	170.000	850.000	
292	ĐẶNG THẾ PHƯƠNG	12A1	5	170.000	850.000	
293	TRƯƠNG VĂN TAM	12A1	5	170.000	850.000	
294	TRIỆU VĂN THỊNH	12A1	5	170.000	850.000	
295	TRƯƠNG QUANG THỌ	12A1	5	170.000	850.000	
296	CHU THANH THƯ	12A1	5	170.000	850.000	
297	TRIỆU THỊ THƯ	12A1	5	170.000	850.000	
298	LÊ QUỲNH TRANG	12A1	5	170.000	850.000	
299	TRIỆU THỊ TRANG	12A1	5	170.000	850.000	
300	LÝ THỊ THÙY TRÂM	12A1	5	170.000	850.000	
301	TRƯƠNG THỊ VÂN	12A1	5	170.000	850.000	
302	LINH TÀI VINH	12A1	5	170.000	850.000	
303	ĐẶNG THỊ YẾN VY	12A1	5	170.000	850.000	
304	BÀN MINH ANH	12A2	5	170.000	850.000	
305	GIÁP VIỆT ANH	12A2	5	170.000	850.000	
306	NGUYỄN HÀ ANH	12A2	5	170.000	850.000	
307	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	12A2	5	170.000	850.000	
308	TRIỆU THỊ ANH	12A2	5	170.000	850.000	
309	TRƯƠNG THỊ LAN ANH	12A2	5	170.000	850.000	
310	TRIỆU QUÝ ÂN	12A2	5	170.000	850.000	
311	TRIỆU QUÝ BÌNH	12A2	5	170.000	850.000	
312	TRƯƠNG THỊ DIỆU CHÂU	12A2	5	170.000	850.000	
313	BÀN HỮU CHÚC	12A2	5	170.000	850.000	
314	LÝ ĐỨC CÔNG	12A2	5	170.000	850.000	
315	TRƯƠNG VIỆT CƯỜNG	12A2	5	170.000	850.000	
316	TRẦN VIỆT DUY	12A2	5	170.000	850.000	
317	TRƯƠNG ĐỨC DUY	12A2	5	170.000	850.000	
318	CHU THỊ DƯƠNG	12A2	5	170.000	850.000	
319	TRẦN NGỌC DƯƠNG	12A2	5	170.000	850.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
320	TRƯƠNG THUY DƯƠNG	12A2	5	170.000	850.000	
321	NGUYỄN VĂN ĐẠT	12A2	5	170.000	850.000	
322	TRIỆU TIẾN ĐẠT	12A2	5	170.000	850.000	
323	TRƯỜNG HẢI ĐĂNG	12A2	5	170.000	850.000	
324	LÝ THỊ ĐIỆP	12A2	5	170.000	850.000	
325	ĐẶNG HOÀNG HẢI	12A2	5	170.000	850.000	
326	LÊ HOÀNG HẢI	12A2	5	170.000	850.000	
327	NGUYỄN ĐỨC HẢI	12A2	5	170.000	850.000	
328	LÝ THỊ HÀNH	12A2	5	170.000	850.000	
329	HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	12A2	5	170.000	850.000	
330	ĐẶNG MINH HIẾU	12A2	5	170.000	850.000	
331	LÝ TRỌNG HIẾU	12A2	5	170.000	850.000	
332	BÀN HỮU HOÀNG	12A2	5	170.000	850.000	
333	LINH TÀI HOÀNG	12A2	5	170.000	850.000	
334	LỤC VĂN KHÁNH	12A2	5	170.000	850.000	
335	ĐẶNG TRUNG KIÊN	12A2	5	170.000	850.000	
336	ĐẶNG VĂN LƯU	12A2	5	170.000	850.000	
337	NGUYỄN BÁ NGUYỄN	12A2	5	170.000	850.000	
338	TRIỆU YẾN NINH	12A2	5	170.000	850.000	
339	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	12A2	5	170.000	850.000	
340	BÀN TRÙNG QUÂN	12A2	5	170.000	850.000	
341	VŨ MINH SANG	12A2	5	170.000	850.000	
342	TRIỆU THỊ THƯƠNG	12A2	5	170.000	850.000	
343	BÙI ANH TUẤN	12A2	5	170.000	850.000	
344	ĐẶNG ĐỨC TUẤN	12A2	5	170.000	850.000	
345	LÊ TRƯƠNG TUẤN	12A2	5	170.000	850.000	
346	ĐẶNG MINH TUỆ	12A2	5	170.000	850.000	
347	TRƯƠNG VĂN QUANG VINH	12A2	5	170.000	850.000	
348	LÝ VĂN BÚT	12A3	5	170.000	850.000	
349	ĐỖ NGỌC MINH CHÂU	12A3	5	170.000	850.000	
350	BÀN VĂN HOÀNG	12A3	5	170.000	850.000	
351	GIÁP MẠNH HOÀNG	12A3	5	170.000	850.000	
352	TRIỆU QUÝ HOÀNG	12A3	5	170.000	850.000	
353	CHU KHÁNH HƯNG	12A3	5	170.000	850.000	
354	ĐẶNG THUY HƯƠNG	12A3	5	170.000	850.000	
355	NGỌC DUY KHÁNH	12A3	5	170.000	850.000	
356	NGỌC MINH KHUÊ	12A3	5	170.000	850.000	
357	LÃ HỒNG KHUYÊN	12A3	5	170.000	850.000	
358	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	12A3	5	170.000	850.000	
359	ĐẶNG KIỀU KIỀU	12A3	5	170.000	850.000	
360	BÀN DIỆU LINH	12A3	5	170.000	850.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng miễn	Mức học phí (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí được miễn (đồng)	Ghi chú
361	NGỌC TRANG LINH	12A3	5	170.000	850.000	
362	TRƯƠNG HOÀI LINH	12A3	5	170.000	850.000	
363	TẠ THỊ BÍCH LOAN	12A3	5	170.000	850.000	
364	BÀN THỊ MAI LY	12A3	5	170.000	850.000	
365	VŨ ĐỨC MẠNH	12A3	5	170.000	850.000	
366	LINH TÀI MINH	12A3	5	170.000	850.000	
367	LÝ THỊ MY	12A3	5	170.000	850.000	
368	HOÀNG BẢO NGỌC	12A3	5	170.000	850.000	
369	NGUYỄN THỊ UYÊN NHI	12A3	5	170.000	850.000	
370	MAI HÀ PHƯƠNG	12A3	5	170.000	850.000	
371	BÀN HỮU THANH	12A3	5	170.000	850.000	
372	BÀN THỊ THU	12A3	5	170.000	850.000	
373	ĐÌNH THỊ HOÀI THU	12A3	5	170.000	850.000	
374	LINH TÀI THUẦN	12A3	5	170.000	850.000	
375	PHẠM MINH THÙY	12A3	5	170.000	850.000	
376	LÝ THỊ THỦY	12A3	5	170.000	850.000	
377	NGUYỄN ANH THƯ	12A3	5	170.000	850.000	
378	NGUYỄN ANH THƯ	12A3	5	170.000	850.000	
379	TRIỆU THỊ THƯ	12A3	5	170.000	850.000	
380	TRƯƠNG ANH THƯ	12A3	5	170.000	850.000	
381	TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG	12A3	5	170.000	850.000	
382	VŨ HUYỀN THƯƠNG	12A3	5	170.000	850.000	
383	LƯƠNG VĂN TIẾN	12A3	5	170.000	850.000	
384	ĐÌNH THỊ TRANG	12A3	5	170.000	850.000	
385	TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRÂM	12A3	5	170.000	850.000	
386	LÊ XUÂN TRUNG	12A3	5	170.000	850.000	
387	ĐẶNG MINH TUẤN	12A3	5	170.000	850.000	
388	TRIỆU QUÝ TUỆ	12A3	5	170.000	850.000	
389	BÀN ĐỨC VIỆT	12A3	5	170.000	850.000	
390	CHU THỊ HẢI YẾN	12A3	5	170.000	850.000	
635	TỔNG CỘNG (= I + II)				472.375.000	

Tổng số tiền miễn học phí: 472.375.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Quảng La, ngày 10 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thúy Vân

Lê Thị Kim Thu